

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĂN YÊN
TỈNH YÊN BÁI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 15/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 30-05-2024

V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con
và chia tài sản chung.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĂN YÊN, TỈNH YÊN BÁI

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hương;

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Hoài Sơn;
2. Ông Lý Trung Hiếu.

- **Thư ký phiên toà:** Bà Nghiêm Thị Vân Anh – Thư ký Toà án nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái tham gia phiên toà:** Ông Lộc Hồng Diệp - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 39/2024/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 4 năm 2024 về việc: “Ly hôn và tranh chấp nuôi con, chia tài sản chung”; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2024/QĐXX-ST ngày 16 tháng 5 năm 2024, giữa các đương sự:

+ Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị C, sinh năm 1981;

Địa chỉ: Thôn S, xã Đ, huyện V, tỉnh Yên Bái; có mặt.

+ Bị đơn: Anh Vũ Ngọc Tuyên, sinh năm 1982;

Địa chỉ: Thôn S, xã Đ, huyện V, tỉnh Yên Bái; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 18 tháng 3 năm 2024 và những lời khai tiếp theo cũng như tại phiên toà nguyên đơn chị Nguyễn Thị C trình bày:

Tôi kết hôn với anh Vũ Ngọc T trước khi kết hôn có được tìm hiểu và tự nguyện. Đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện V, tỉnh Yên Bái ngày 13 tháng 3 năm 2006. Sau khi kết hôn, chúng tôi chung sống cùng nhau tại thôn S, xã Đ, huyện V, tỉnh Yên Bái. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến khoảng tháng 01 năm 2024 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, tính cách không phù hợp, vợ chồng có xảy ra xô xát, cãi cọ, anh T có lần đánh tôi phải đi bệnh viện điều trị. Chúng tôi đã sống ly thân từ tháng 01/2024 đến nay, không ai quan tâm đến ai. Nay tôi xác định tình cảm vợ chồng

không còn, không thể khắc phục được mâu thuẫn và đề nghị Toà án giải quyết cho tôi được ly hôn anh Vũ Ngọc T.

Về con chung: Tôi và anh T có 02 con chung Vũ Yên N, sinh ngày 01/6/2003 và Vũ Quang V, sinh ngày 22/6/2007. Cháu N đã thành niên, tôi không yêu cầu Toà án giải quyết. Ly hôn tôi và anh T thỏa thuận, anh T trực tiếp nuôi dưỡng cháu V, tôi không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Tại đơn khởi kiện tôi yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản chung của vợ chồng, tuy nhiên đến nay tôi và anh T đã tự thống nhất thỏa thuận nên tôi rút yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng, để vợ chồng tự thỏa thuận, tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung.

Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tại bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên toà bị đơn anh Vũ Ngọc T trình bày:

Về thời gian, địa điểm đăng ký kết hôn quá trình chung sống của vợ chồng như chị C đã trình bày là đúng. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 01/2024 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn là do vợ chồng không hoà hợp, bất đồng quan điểm sống, tôi không tin tưởng chị C, tôi cho rằng chị C có mối quan hệ tình cảm với người khác. Cuộc sống vợ chồng có xảy ra xô xát, cãi cọ, cũng có lần tôi đánh chị C phải đi nằm viện điều trị. Tôi và chị C đã sống ly thân mỗi người một nơi từ tháng 01/2024 đến nay. Nay tôi xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn và tôi không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Tôi và chị C có hai con chung, Vũ Yên N, sinh ngày 01/6/2003 và Vũ Quang V, sinh ngày 22/6/2007. Ly hôn cháu N đã thành niên tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết. Cháu V hiện đang ở cùng tôi, ly hôn tôi có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu chị C phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Tôi và chị C tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa: Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh Yên Bái phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự; quyền và nghĩa vụ của các đương sự được đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình, xử cho chị Nguyễn Thị C được ly hôn anh Vũ Ngọc T; Về con chung: Giao cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng con chung Vũ Quang V, sinh ngày 22/6/2007, chị C không phải cấp dưỡng nuôi con. Chị C có quyền thăm nom con chung, không ai được ngăn cản.

Về tài sản chung: Căn cứ khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 32 Nghị quyết 05/2012/NQ-HĐTP ngày 03/12/2012 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án

nhân dân tối cao. Do chị C rút yêu cầu chia tài sản chung nên đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ giải quyết yêu cầu chia tài sản chung.

Chị C, anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung, nợ chung nên đề nghị Hội đồng xét xử không xét.

Về án phí: Áp dụng khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội buộc chị Nguyễn Thị C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn theo quy định 300.000 đồng và trả lại chị Cúc tiền tạm ứng án phí chia tài sản chị C đã nộp 12.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, trên cơ sở xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thực hiện đúng, đầy đủ thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị C và anh Vũ Ngọc T kết hôn có tình cảm và tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện V, tỉnh Yên Bái ngày 13 tháng 3 năm 2006. Việc kết hôn đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật Hôn nhân và Gia đình. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị C và anh T là hợp pháp.

[3] Về mâu thuẫn vợ chồng, Hội đồng xét xử thấy: Quá trình chung sống chị C và anh T tính cách không phù hợp, bất đồng quan điểm sống, thiếu tin tưởng nhau, vợ chồng có xảy ra xô xát, cãi cọ, anh T cũng thừa nhận có lần đánh chị C phải đi nằm viện điều trị. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã hoà giải nhiều lần nhưng không thành, chị C xác định tình cảm vợ chồng không còn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện được ly hôn anh T. Anh T xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn không đồng ý ly hôn nhưng trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án anh T và chị C không cải thiện được tình cảm vợ chồng, chị C vẫn cương quyết ly hôn anh T. Từ những phân tích trên thấy yêu cầu ly hôn của chị C là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị C đối với anh T.

[4] Về con chung: Chị C và anh T có 02 con chung Vũ Yến N, sinh ngày 01/6/2003 và Vũ Quang V, sinh ngày 22/6/2007. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà chị C và anh T đã thống nhất thoả thuận, ly hôn anh T trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu V, chị C không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Cháu N đã thành niên nên chị C và anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Xét thấy: Cháu V hiện đang do anh T trực tiếp nuôi dưỡng và anh T cũng có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu V và không yêu cầu chị C phải cấp dưỡng nuôi con. Nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung của anh T là

chính đáng. Do đó Hội đồng xét xử thấy cần ghi nhận sự thoả thuận này của chị C và anh T.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Quá trình giải quyết vụ án đến trước thời điểm Tòa án công khai chứng cứ và hòa giải chị C đã rút yêu cầu chia tài sản chung nên Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với yêu cầu chia tài sản chung, nợ chung của chị C và anh T. Chị C và anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung, nợ chung nên Hội đồng xét xử không xét.

[6] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử được chấp nhận.

[7] Về án phí: Đối với số tiền tạm ứng án phí chia tài sản chị Nguyễn Thị C đã nộp khi thụ lý vụ án, quá trình giải quyết vụ án chị C đã rút yêu cầu chia tài sản, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên trả lại chị C số tiền tạm ứng án phí chia tài sản chị C đã nộp.

Chị Nguyễn Thị C là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 244, Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Áp dụng khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị C được ly hôn anh Vũ Ngọc T.
2. Về con chung: Công nhận sự thoả thuận giữa chị Nguyễn Thị C và anh Vũ Ngọc T. Giao anh Vũ Ngọc T trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung Vũ Quang V, sinh ngày 22/6/2007 đến khi cháu V đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi theo quy định của pháp luật. Chị Nguyễn Thị C không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu chia tài sản chung của chị Nguyễn Thị C.
4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị C phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm và được trừ vào số tiền 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí chị C đã nộp theo biên lai số AA/2023/0001030 ngày 05/4/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái. Xác nhận chị Nguyễn Thị C đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại chị Nguyễn Thị C số tiền 12.000.000 (Mười hai triệu) đồng chị Nguyễn Thị C đã nộp tại chi Cục Thi hành án dân sự huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái theo biên lai số AA/2023/0001030 ngày 05/4/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị C và anh Vũ Ngọc T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND huyện V;
- Chi cục Thi hành án DS huyện V;
- UBND xã Đ;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, TA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Hương

